TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DS – ST
Ngày: 19/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Toàn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Rmah Ét
2. Bà Phạm Thị An
- ***Thư ký Toà án:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST- DS ngày 18/4/2019, tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tống Quang P, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Tổ dân P 21, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1987.
Cùng địa chỉ: Tổ dân P 19, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Gia Lai.
Anh P có mặt, chị T và anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải không thành và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tống Quang P trình bày:

Vào năm 2018, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T có mua sắt từ cửa hàng bán sắt của gia đình anh để về gia công. Do điều kiện khó khăn nên vợ chồng anh H và chị T còn nợ lại một số tiền sau khi việc mua bán kết thúc. Sau nhiều lần yêu cầu anh H, chị T thanh toán số tiền còn nợ nhưng vợ chồng không trả được nên đến ngày 02/02/2019, hai bên thống nhất ký vào giấy nợ số tiền mua sắt còn nợ lại là 34.782.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng và lãi quá hạn là

3%/tháng. Anh H, chị T hẹn sẽ trả toàn bộ số nợ gốc và lãi trên vào ngày 02/4/2019. Tuy nhiên, đến hẹn anh H và chị T vẫn không trả nợ theo đúng hẹn. Anh P đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh H, chị T vẫn không trả. Vì vậy, anh P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị T trả cho anh số tiền nợ gốc là 34.782.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 02/2/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.930.366 đồng.

**Đối với bị đơn anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn anh H và chị T vẫn cố tình trốn tránh không tham gia thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Nên Tòa án tiến hành các thủ tục tống đạt niêm yết hợp lệ để giải quyết vụ án.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát phân tích thẩm quyền giải quyết vụ án và việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong việc giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, viện dẫn các căn cứ pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng

Anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đòi nợ theo hợp đồng mua bán tài sản. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H và chị T là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân P 19, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về pháp luật nội dung

Hợp đồng mua bán tài sản giữa anh P với anh H và chị T xác lập bằng lời nói từ năm 2018. Tranh chấp xảy ra và được giải quyết tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Giấy nhận nợ giữa anh Tống Quang P với anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T lập vào ngày 02/02/2019 là có thật. Theo giấy nhận nợ, anh H và chị T còn nợ anh P số tiền mua sắt là 34.782.000 đồng, thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 3%/tháng và hẹn đến ngày 02/4/2019 sẽ trả hết nợ. Giấy nhận nợ có chữ ký của anh H và chị T.

Xét chứng cứ là Giấy nhận nợ do anh P cung cấp tại hồ sơ có chữ viết và chữ ký của anh H và chị T thì thấy rằng, Giấy nhận nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản (là sắt hộp) được hai bên thỏa thuận là tự nguyện, hợp pháp. Anh H và chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Nay, anh P yêu cầu anh H và chị T trả số tiền gốc còn lại 34.782.000 đồng là có căn cứ. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận sẽ trả cho nhau phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên, căn cứ Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh P, buộc bị đơn anh H và chị T phải trả cho anh P số tiền gốc 34.782.000 đồng và tiền lãi là 3.930.366 đồng *(34.782.000 đồng x 1,5% x 07 tháng 16 ngày = 3.930.366 đồng)*. Tổng cộng **38.712.366 đồng**.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tống Quang P được chấp nhận toàn bộ nên anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm của vụ kiện là **1.935.618 đồng** *(38.712.366 đồng x 5% = 1.935.618 đồng)* để sung vào quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tống Quang P.

Buộc anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T phải trả cho anh Tống Quang P số tiền **38.712.366 đồng** *(Ba mươi tám triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm sáu mươi sáu đồng)*. Trong đó tiền gốc là 34.782.000 đồng, tiền lãi là 3.930.366 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- *Về án phí:*

Buộc anhTrần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là **1.935.618 đồng** để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho anh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 869.550 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006300 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện.

- *Quyền kháng cáo:*

Anh P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/9/2019. Anh H và chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Thiện;
- Chi cục THA DS huyện Phú Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Thiện;
- Chi cục THA DS huyện Phú Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ THIỆN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:06/2019/DS – ST
Ngày: 19/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Toàn

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Rmah Ét

2. Bà Phạm Thị An

- ***Thư ký Toà án:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST- DS ngày 18/4/2019, tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tống Quang P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ dân P 21, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Tổ dân P 19, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

Anh P có mặt, chị T và anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải không thành và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tống Quang P trình bày:

Vào năm 2018, anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T có mua sắt từ cửa hàng bán sắt của gia đình anh P để về gia công. Do điều kiện khó khăn nên vợ chồng anh H và chị T còn nợ lại một số tiền sau khi việc mua bán kết thúc. Sau nhiều lần yêu cầu anh H, chị T thanh toán số tiền còn nợ nhưng vợ chồng không trả được nên đến ngày 02/02/2019, hai bên thống nhất ký vào giấy nợ số tiền mua sắt còn nợ lại là 34.782.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng và lãi quá hạn là 3%/tháng. Anh H, chị T hẹn sẽ trả toàn bộ số nợ gốc và lãi trên vào ngày 02/4/2019. Tuy nhiên, đến hẹn anh H và chị T vẫn không chịu trả nợ theo đúng hẹn. Anh P đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh H, chị T vẫn không trả. Vì vậy, anh P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị T trả cho ông số tiền nợ gốc là 34.782.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 02/2/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.930.366 đồng.

**Đối với bị đơn anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn anh H và chị T vẫn cố tình trốn tránh không tham gia thực hiện quyền và nghĩa vụ của

mình. Nên Tòa án tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ để giải quyết vụ án.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát phân tích thẩm quyền giải quyết vụ án và việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong việc giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng

Anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đòi nợ theo hợp đồng mua bán tài sản. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H và chị T là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân P 19, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về pháp luật nội dung

Hợp đồng mua bán tài sản giữa anh P với anh H và chị T xác lập bằng lời nói từ năm 2018. Tranh chấp xảy ra và được giải quyết tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Giấy nhận nợ giữa anh Tống Quang P với anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T vào ngày 02/02/2019 là có thật. Theo giấy nhận nợ, anh H và chị T còn nợ lại anh P số tiền sắt là 34.782.000 đồng, thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 3%/tháng và hẹn đến ngày 02/4/2019 sẽ trả hết nợ có chữ ký của anh H và chị T.

Xét chứng cứ là Giấy nhận nợ do anh P cung cấp tại hồ sơ có chữ viết và chữ ký của anh H và chị T thì thấy rằng, Giấy nhận nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản (là sắt) được hai bên thỏa thuận là tự nguyện, hợp pháp. Anh H và chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Nay, anh P yêu cầu anh H và chị T trả số tiền gốc còn lại 34.782.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 02/02/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.930.366 đồng là có căn cứ.

Từ các phân tích nêu trên, căn cứ Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh P, buộc bị đơn anh H và chị T phải trả cho anh P số tiền gốc 34.782.000 đồng và tiền lãi là 34.782.000 đồng x 1,5% x 07 tháng 16 ngày = 3.930.366 đồng. Tổng cộng **38.712.366 đồng**.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tống Quang P được chấp nhận toàn bộ nên anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm của vụ kiện là **1.935.618 đồng** *(38.712.366 đồng x 5% = 1.935.618 đồng)* để sung vào quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tống Quang P.

Buộc anh Trần Văn H và chịNguyễn Thị Xuân T phải trả cho ông Tống Quang P số tiền **38.712.366 đồng** *(Ba mươi tám triệu bảy trăm mười hai ngàn ba trăm sáu mươi sáu đồng)*. Trong đó tiền gốc là 34.782.000 đồng, tiền lãi là 3.930.366 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Buộc anhTrần Văn H và chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là **1.935.618 đồng** để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho anh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 869.550 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006300 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện.

- Quyền kháng cáo:

Anh P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/9/2019. Anh H và chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hánh án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Thiện;
- Chi cục THA DS huyện Phú Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn